

Bản án số: **01/2026/HS-ST**

Ngày: 06/01/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Cao và bà Lò Thị Sai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8- Quảng Ngãi đưa ra xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 11/12/2025; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. A , sinh năm 2000 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn Kơ Năng, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Ba na; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Wiu, sinh năm 1961 và bà Y Buhn, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 23/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9) xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 40/2016/HS-ST. Đã được xóa án tích.

+ Ngày 10/01/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7) xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 03/2017/HS-ST. Đã được xóa án tích.

+ Ngày 15/12/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7) xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 142/2020/HS-ST. Đã được xóa án tích.

Bị cáo A B bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam Sa Thầy thuộc trại tạm giam số 02, Công an tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 16/9/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. A K, sinh năm 2004 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn Kơ Năng, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Ba na; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Wiu, sinh năm 1961 và bà Y Buh, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo A K bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam Sa Thầy thuộc trại tạm giam số 02, Công an tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 16/9/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Phan Hồng Ch, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn Hòa Bình, xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Bảo Gia H, sinh ngày 20/02/2007. Trú tại: Thôn Kon Ho Ngo Klal, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Minh Th, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn Bình Trung, xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Phan Thanh T, sinh năm 1965. Trú tại: Thôn Hòa Bình, xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/9/2025, A B rủ A K đi trộm gà tại xã Sa Thầy, K đồng ý và điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 82M1 – 027.17 chở A B đi từ xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi đến xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi tìm kiếm nhà dân để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực cầu Hòa Bình thuộc thôn Hòa Bình, xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi thì K điều khiển xe đi xuống khu vực cánh đồng lúa và cất giấu xe tại chân cầu. Sau đó K và B đi theo dọc cánh đồng lúa phía sau các hộ nhà dân. Đến khu vực phía sau nhà anh Phan Hồng Ch thì cả hai đứng lại và quan sát thấy có thể đột nhập được vào trong khu vực nhà. B nói với K đứng ở ngoài cánh giới còn B đi tới khu vực trụ hàng rào bê tông và trèo qua lưới B40 đi vào trong khu vực nhà anh Ch. B đi tới khu vực đường luồng thì thấy 03 (Ba) xe mô tô, trong đó 01 (Một) xe mô tô Biển kiểm soát 82M1 – 045.26 có cắm sẵn một chùm chìa khóa xe trên ổ khóa xe. Sau đó B quay lại vị trí K đang đứng và nói “*Đi theo anh vào lấy xe máy*”. Nghe vậy, K cũng trèo rào vào rồi đi theo sau B tới vị trí để xe mô tô. B lấy chìa khóa đang cắm trong ổ khóa để mở

cốp xe thì thấy bên trong có 01 ví da màu nâu, bên trong có 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 04 (Bốn) tờ tiền VNĐ mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng số tiền là 2.000.000 đồng. B đưa cho K xem và nói “*Trộm xe và tiền*”, K trả lời “*Tùy anh thôi*”, rồi B cất ví vào trong túi quần, rút chùm chìa khóa đi tới vị trí cổng đường luống để mở thử cửa, B lấy từng chìa khóa để mở thì mở được ổ khóa cổng. B quay lại vị trí xe, còn K đi tới đây cổng mở to ra rồi đi ra ngoài đường liên thôn đứng đợi. B dắt lùi xe ra sân trước nhà và quay đầu xe, mở khóa xe, nổ máy chạy ra vị trí K đứng rồi điều khiển xe chở K tới vị trí xe cất giấu lúc đầu. K xuống lấy xe rồi cả hai điều khiển xe mô tô ra hướng tỉnh lộ 675 và về nhà tại xã Ngọc Bay, cất giấu xe trong nhà. Sau đó K chở A B về nhà bạn tên Nguyễn Bảo Gia H để trả xe đã mượn trước đó. Sau khi trả xe cho H xong, cả hai đi bộ về nhà mình ngủ, số tiền trộm cắp được cả hai sử dụng chung và đã tiêu xài cá nhân hết, xe mô tô thì cả hai sử dụng làm phương tiện đi lại cho đến khi bị bắt.

Bản Kết luận định giá tài sản số: 310/KL-HĐĐGTS, ngày 30/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên cấp tỉnh trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Ngãi kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu sơn: đỏ đen, dung tích: 110CC, số máy: 5C64984583, số khung: C640CY984574, biển số đăng ký: 82M1 – 045.26 tại thời điểm ngày 10/9/2025 có giá trị bằng tiền là: **7.567.000 đồng**.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung, diễn biến, tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSKV8 ngày 10/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Quảng Ngãi truy tố đối với các bị cáo A B và A K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố theo như toàn bộ nội dung Cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Đối với bị cáo A B: Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo A B mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

+ Đối với bị cáo A K: Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo A K mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại anh Phan Hồng Ch không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu sơn: đỏ đen, dung tích: 110CC, số máy: 5C64984583, số khung: C640CY984574, biển số đăng ký: 82M1 – 045.26.

- 01 (Một) giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 086658 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kon Tum cấp ngày 09/11/2020.

- 01 (Một) ví da màu nâu kích thước (21.5 x 8.5) cm đã qua sử dụng nhãn hiệu LEVI'S.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu sơn: đen đỏ, dung tích: 110CC, số máy: 5C63579946, số khung: RLCS5C630BY579898, biển số đăng ký: 82M1 – 027.17.

- Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành xử lý:

+ Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Phan Hồng Ch 01 xe mô tô Biển kiểm soát 82M1 – 045.26, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 ví da màu nâu (Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số: C1509E/QĐ-CSHS ngày 12/11/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi).

+ Đối với xe mô tô Biển kiểm soát: 82M1 – 027.17. Quá trình điều tra xác định xe mô tô thuộc sở hữu của anh Nguyễn Minh Th (Sinh năm 1988, trú tại: Thôn Bình Trung, xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi). Thiện đã cho Nguyễn Bảo Gia H mượn để đi về nhà. Sau đó Nguyễn Bảo Gia H cho A K mượn. H không biết việc K và B sử dụng xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Minh Th (Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số: C1509F/QĐ-CSHS ngày 12/11/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi).

Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không bào chữa gì thêm.

Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì thêm.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Hành vi của các bị cáo là trái pháp luật, các bị cáo xin lỗi người bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Điều tra,

Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, lời khai của các bị cáo là khách quan, phù hợp với các tài liệu khác đã được điều tra, thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 01 giờ ngày 10/9/2025, tại thôn Hòa Bình, xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi, lợi dụng đêm tối không có người để ý. A B và A K đã có hành vi lén lút đột nhập vào khu vực sân nhà anh Phan Hồng Ch trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 82M1 – 045.26, với giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 7.567.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng tiền mặt trong cốp xe. Tổng giá trị tài sản B và K chiếm đoạt là **9.567.000 đồng**.

[3]. Vào thời điểm phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện; xâm phạm quan hệ về sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật hình sự bảo vệ. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo A B là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, còn bị cáo A K với vai trò thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả gây ra.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, hai bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Vì vậy hành vi nêu trên của các bị cáo A B, A K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4]. Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản đối với mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức, được Pháp luật ghi nhận và bảo vệ bằng chế tài nghiêm khắc nhất đó là hình phạt. Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Hành vi của các bị cáo như Cáo trạng số: 07/CT-VKSKV8 ngày 10/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Quảng Ngãi đã truy tố đối với các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo A K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo A B có nhân thân xấu, đã ba lần bị các Tòa án xét xử đều về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đều đã được xóa án tích.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo A B: Ba lần phạm tội trước bị cáo A B đều bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” đã chấp hành án xong, xóa án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, sống có ích cho xã hội và làm gương cho những người em trong gia đình mà bị cáo vẫn rủ bị cáo A K thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” do đó cần tiếp tục cách ly bị cáo với đời sống xã hội để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo A K: Xét bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này ra, luôn chấp hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử cân nhắc không cần cách ly bị cáo với xã hội mà chỉ xử phạt bị cáo một thời hạn tù nhất định và cho hưởng án treo. Mặt khác, bị cáo A K đã bị tạm giam hơn 03 tháng nên cũng đã đủ răn đe, giáo dục; ngoài ra việc cho bị cáo hưởng án treo còn thể hiện sự khoan hồng của Pháp luật, phù hợp với hướng dẫn tại văn bản hợp nhất số: 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 Nghị quyết Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6]. Về hình phạt tiền: Các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức Pháp luật có phần hạn chế, là người dân tộc thiểu số, không có thu nhập và tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 02 triệu đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay bị hại tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 02 triệu đồng nữa, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành xử lý:

+ Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Phan Hồng Châu 01 xe mô tô Biển kiểm soát 82M1 – 045.26, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 ví da màu nâu (Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số: C1509E/QĐ-CSHS ngày

12/11/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi) là đúng quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với xe mô tô Biển kiểm soát: 82M1 – 027.17. Quá trình điều tra xác định xe mô tô thuộc sở hữu của anh Nguyễn Minh Thiện (Sinh năm 1988, trú tại: Thôn Bình Trung, xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi). Thiện đã cho Nguyễn Bảo Gia Huy mượn để đi về nhà. Sau đó Nguyễn Bảo Gia Huy cho A Kân mượn. Huy không biết việc Kân và Bất sử dụng xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Minh Thiện (Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số: C1509F/QĐ-CSHS ngày 12/11/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi) là có căn cứ đúng pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có, tuy nhiên anh Châu không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho mình, nên không buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo A B, A K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo A B **15 (Mười lăm)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/9/2025.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo A K **09 (Chín)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng, kể từ ngày tuyên án (06/01/2026).

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo A K ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo A K cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự .

Về hình phạt tiền: Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo A B , A K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 332; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/01/2026) các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND khu vực 8-Quảng Ngãi;
- Công an xã Ngọc Bay-Quảng Ngãi;
- UBND xã Ngọc Bay-tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi (khi bản án có hiệu lực);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Trọng Nguyên

